

Số: 2304898

|                                            | Kia Carens 1.4T Signature (7S) | Mazda CX-5 2.0L Luxury |
|--------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>764.000.000đ</b>            | <b>789.000.000đ</b>    |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4540 x 1800 x 1750             | 4590 x 1845 x 1680     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2780                           | 2700                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5310                           | 5500                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 190                            | 200                    |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1326                           | 1550                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1950                           | 2000                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 216                            | 442                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 45                             | 56                     |
| Số chỗ ngồi                                | 7                              | 5                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước               | SX-LR trong nước       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                |                        |
| Loại động cơ                               | SmartStream 1.4T - GDi         | 2.0L Skyactive - G     |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1353                           | 1998                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 138 / 6,000                    | 154 / 6000             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 242 / 1,500 - 3,200            | 200 / 4000             |
| Hộp số                                     | 7DCT                           | 6AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                      | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                     | Liên kết đa điểm       |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                            | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                            | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 215/55 R17                     | 225/55 R19             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 6.5                            | 8.6                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.5                            | 6.1                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 5.3                            | 7                      |
| Chế độ lái                                 | Normal / Eco / Sport           | Normal / Sport         |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                |                        |
| Cụm đèn trước                              | LED                            | LED                    |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                              | ●                      |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                              | ●                      |
| Đèn sương mù                               | LED                            | LED                    |
| Cụm đèn sau                                | LED                            | LED                    |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                              | ●                      |
| Gạt mưa tự động                            | ●                              | ●                      |
| Cửa sổ trời                                | ●                              | -                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                |                        |
| Vô lăng bọc da                             | ●                              | ●                      |
| Chất liệu ghế                              | Da                             | Da                     |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                              | ●                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                              | ●                      |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                              |                        |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                              | ●                      |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2" TFT + SEG LCD             | Analog & Digital       |

|                                         |                             |                |
|-----------------------------------------|-----------------------------|----------------|
| Màn hình giải trí trung tâm             | AVN 10.25"                  | 8"             |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●                           | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●                           | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 1                           | 2              |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                           | ●              |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                           | ●              |
| Khởi động nút bấm                       | ●                           | ●              |
| Khởi động từ xa                         | ●                           |                |
| Hệ thống âm thanh                       | 8 loa Bose                  | 10 loa Bose    |
| Sạc không dây Qi                        | ●                           |                |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●                           |                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                           | ●              |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                             |                |
| Số túi khí                              | 6                           | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                           | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                           | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                           | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● + DBC                     | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                           | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau                 | Trước & Sau    |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ● (cài đặt giới hạn tốc độ) | MRCC Stop & Go |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                           |                |
| Camera lùi                              | ●                           | ●              |